Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-03-16 08:42:06 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ

tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định, hướng dẫn nghiệp vụ (bao gồm mục tiêu, nội dung hoạt động, yêu cầu về nghiệp vụ, kỹ thuật, trách nhiệm thực hiện và công tác lập kế hoạch, giám sát thực hiện kế hoạch) trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về thông tin và truyền thông được quy định tại Nội dung 09 thuộc Nội dung thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc Nội dung thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

---

[1] Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 – 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025."

nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là nội dung về thông tin và truyền thông).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung về thông tin và truyền thông nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện các nội dung về thông tin và truyền thông

1. Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

2. Đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân ở khu vực nông thôn đối với các sản phẩm dịch vụ về thông tin và truyền thông, phù hợp với đặc thù các khu vực.

3. Phân định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ về thông tin và truyền thông của các cơ quan Trung ương và các địa phương.

Điều 3. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở

1. Mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở

a) Phát triển, hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh xã, có cụm loa đến các thôn, bản của xã;

b) Hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, số hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

2. [2]Địa bàn thực hiện:

Đối với thiết lập mới, nâng cấp các đài truyền thanh xã: Là các xã xây dựng nông thôn mới, trừ những xã thuộc các địa bàn sau đây (được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025):

a) Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các xã đảo, huyện đảo theo quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

3. Điều kiện thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã và thiết bị kỹ thuật cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) [3] Đối với đài truyền thanh xã:

- Thiết lập mới đài truyền thanh cho các xã chưa có đài truyền thanh;

- Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố) để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện:

Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có các thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

4. Nội dung, yêu cầu kỹ thuật, quy mô thiết lập mới, mở rộng đài truyền thanh xã, hệ thống cụm loa và trang thiết bị cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Căn cứ tình hình thực tế, địa phương quyết định quy mô, số lượng cụm loa từng đài truyền thanh phù hợp; đảm bảo các đài truyền thanh xã có cụm loa đến các thôn, bản đáp ứng nội dung trong tiêu chí thông tin và truyền thông đối với xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) [4] Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện: Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu cần thiết cho hoạt động sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, các địa phương quyết định việc đầu tư, mua sắm thiết bị phù hợp với danh mục tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

Trường hợp địa phương có nhu cầu về danh mục, cấu hình kỹ thuật thiết bị khác với danh mục tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp và chịu trách nhiệm trên cơ sở đảm bảo mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả sử dụng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Tổ chức thực hiện

Các địa phương căn cứ tình hình thực tế triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý; đảm bảo nhân lực, kinh phí duy trì hoạt động các hệ thống thiết bị để phát huy hiệu quả phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Điều 4. Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn

1. Mục tiêu

a) Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn nhằm đáp ứng yêu cầu về hiện đại hóa công nghệ thông tin - truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số khu vực nông thôn, đưa hoạt động của người dân lên môi trường mạng, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng;

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng (hạ tầng cáp quang, hạ tầng mạng di động thế hệ mới), hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT)

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng:

+ Phát triển hạ tầng cáp quang để kết nối tới tất cả các hộ nông dân;

+ Phủ sóng điện thoại di động thế hệ mới (4G, 5G) tới tất cả khu vực nông thôn.

- Phát triển hạ tầng kết nối internet vạn vật (IoT)

Phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) trong xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông thôn thông minh; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng tối đa hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn

Phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân (thuộc các lĩnh vực liên lạc, mua sắm, giải trí, sức khỏe, học tập, du lịch, đi lại, ăn uống) và các nền tảng số phục vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (thuộc các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải, thanh toán điện tử, hợp đồng điện tử...).

c) Các nội dung chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Yêu cầu thực hiện

a) Đối với phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng: Phát triển hạ tầng băng rộng tốc độ cao (Gb/s) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số khu vực nông thôn;

b) Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT) phù hợp với yêu cầu, đặc thù trong phát triển nông thôn thông minh tại từng địa phương;

c) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ động nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ để thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn;

- Đôn đốc, kiểm tra việc phát triển hạ tầng tại các địa phương theo định hướng, quy hoạch, kế hoạch của quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Trong đó, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để duy trì, vận hành các hệ thống sau khi được đầu tư;

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin phát triển hạ tầng số;

- Lựa chọn, thúc đẩy, phát triển, ứng dụng các nền tảng số phù hợp với đặc thù của địa phương để phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện tại địa phương mình;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công

1. Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi

trường mạng phục vụ chuyển đổi số nông thôn. Trong đó, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện, cá thể hóa, giảm thời gian, chi phí khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Phát triển các kênh cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước cho người dân, bảo đảm cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ quản lý nhà nước tới người dân và phổ biến những thông tin hữu ích cho người dân để phục vụ xây dựng nông thôn mới;

- Phát triển các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước các cấp. Trong đó, tập trung phát triển hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu

Kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu của địa phương và của quốc gia để giảm thiểu giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính, bảo đảm người dân chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước.

4. Yêu cầu thực hiện

- Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng tuân thủ theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các văn bản hướng dẫn;

- Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu tuân thủ theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu các cấp theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tổ chức triển khai xây dựng, duy trì, vận hành kênh cung cấp thông tin, kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đồng bộ, thông suốt tại chính quyền các cấp ở địa phương;

- Quản lý, giám sát và cải tiến chất lượng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện tại địa phương;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã

1. Mục tiêu

Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 100% đối với các xã còn lại.

2. Đối tượng thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ ở tất cả các xã; ưu tiên thực hiện đối với các xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Đối tượng thụ hưởng: Cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại các xã.

3. Nội dung, quy mô thực hiện

a) Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin; Xây dựng tài liệu, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm nội dung giảng dạy và nội dung các câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá kết quả);

b) Phát triển, hoàn thiện nền tảng học trực tuyến mở đại trà;

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn:

- Hình thức: Trực tuyến thông qua nền tảng;

- Thời gian tập huấn: Không quá 03 ngày/lớp.

d) Kết thúc quá trình bồi dưỡng, tập huấn, các cán bộ, công chức cấp xã sẽ thực hiện các bài kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học, làm cơ sở để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

4. Tổ chức thực hiện

a) [5]Bộ Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin;

- Tổ chức xây dựng tài liệu, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ bồi dưỡng, tập huấn;

- Phát triển, hoàn thiện, thúc đẩy sử dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà;

- Tổ chức thực hiện nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo các cán bộ, công chức cấp xã thuộc địa bàn quản lý tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin theo Chương trình;

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ tại địa phương phù hợp với điều kiện cụ thể và phân cấp quản lý;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn

1. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản tại tất cả các xã đạt trên 70%.

2. Đối tượng được phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin: Tất cả người dân ở khu vực nông thôn có nhu cầu, có khả năng tiếp cận, tìm hiểu kiến thức, kỹ năng số, ưu tiên người dân trong độ tuổi lao động, trong đó chú trọng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã, cán bộ không chuyên trách thôn, bản, giáo viên các trường phổ thông trên địa bàn xã để làm lực lượng nòng cốt tiếp tục là nguồn nhân lực tổ chức phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho thành viên của tổ chức và người dân.

3. [6] Nội dung chương trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn gồm:

a) Phổ biến kiến thức, thông tin cơ bản liên quan đến người dân trong các chương trình, kế hoạch, đề án của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn (bao gồm kế hoạch của Trung ương, của địa phương);

b) Phổ biến, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn gồm:

- Kỹ năng sử dụng thiết bị và phần mềm trên thiết bị như máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị đầu cuối khác;

- Kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin, dữ liệu trên môi trường internet;

- Kỹ năng giao tiếp và phối hợp sử dụng công nghệ số như sử dụng mạng xã hội, sử dụng website/ sàn giao dịch thương mại điện tử, thanh toán qua internet, sử dụng dịch vụ công trực tuyến…

- Kỹ năng sáng tạo nội dung trên thiết bị, trên môi trường internet;

- Kỹ năng an toàn thông tin;

- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

c) Ngoài nội dung tại các điểm a, b nêu trên, căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế, các địa phương chủ động bổ sung, điều chỉnh nội dung kiến thức, kỹ năng số để phổ biến đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các nhóm đối tượng cụ thể.

4. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng, bổ sung chương trình, bài giảng, tài liệu (in và điện tử) phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn cho các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng tại khoản 2 Điều này;

b) Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn;

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025

c) Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn:

- Giảng viên: Là những người có trình độ từ cao đẳng trở lên, am hiểu về nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng và có khả năng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho người dân, phù hợp với nhu cầu của từng địa phương;

- Thời gian và hình thức tổ chức phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn: Do các địa phương chủ động quyết định căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế.

Kết thúc mỗi đợt phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn, cơ quan tổ chức căn cứ tình hình thực tế có hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

d) Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế;

đ) Xây dựng các báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn;

e) Thiết lập tổng đài tư vấn hoặc trợ lý ảo để hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin kỹ năng số cho người dân nông thôn.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tổ chức xây dựng khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu (in và điện tử) phục vụ chung toàn quốc để phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn;

- Giới thiệu, tổ chức, hướng dẫn và phổ biến chương trình, tài liệu cho các địa phương;

- Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến thuộc trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Tổ chức khảo sát, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn trên cả nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, tổ chức công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ tại địa phương:

+ Tuyên truyền, phổ biến, vận động nâng cao nhận thức người dân nông thôn tham gia phổ biến kiến thức về nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin;

+ Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin (trực tiếp hoặc trực tuyến) cho cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã, cán bộ không chuyên trách thôn, bản, giáo viên các trường phổ thông của địa phương làm lực lượng nòng cốt phổ biến lại kiến thức cho thành viên của tổ chức và người dân;

+ Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin (trực tiếp hoặc trực tuyến) cho người dân nông thôn, phù hợp với nhu cầu của từng địa phương.

- Bố trí kinh phí của Chương trình, nguồn ngân sách đối ứng của địa phương và huy động các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ tại địa phương theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Xây dựng báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn tại địa phương.

Điều 8. Gán mã địa chỉ số cho từng nhà ở cá nhân, hộ gia đình, trụ sở cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn đã được đánh số và gắn biển số nhà[7]

1. Mục tiêu: Đến năm 2025, mỗi nhà ở cá nhân, hộ gia đình, trụ sở cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn đã được đánh số và gắn biển số nhà (theo Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng) được gán mã địa chỉ số.

2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa chỉ số bao gồm: mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số;

b) Thông tin, tuyên truyền về lợi ích khi sử dụng cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

3. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, hướng dẫn thực hiện các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này;

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

b) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp thực hiện mục tiêu tại khoản 1 Điều này ở địa phương.

Điều 9. Lập và giao kế hoạch thực hiện nội dung thông tin và truyền thông

1. Bộ Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông theo quy định tại Điều 5, Điều 7 của Nghị định gửi cơ quan chủ Chương trình (Theo nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

2. Các cơ quan chủ quản chương trình lập và giao kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về thông tin và truyền thông 5 năm, hằng năm khi lập, giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định; có trách nhiệm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để tổng hợp, báo cáo cơ quan chủ chương trình theo quy định.

Điều 10. Giám sát, đánh giá thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông

1. Bộ Thông tin và Truyền thông giám sát thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chủ quản Chương trình giám sát thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông trong phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 11. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông

1. Các cơ quan chủ quản Chương trình, cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông có trách nhiệm báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông hằng năm, giữa kỳ, đột xuất, kết thúc giai đoạn 5 năm theo quy định.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo gửi cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các cơ quan liên quan theo quy định.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quản lý thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một số nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình theo Quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia và theo hướng dẫn tại Thông tư này và theo quy định khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện và báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình tại địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện nội dung thông tin và truyền thông của Chương trình; tham mưu hướng dẫn quản lý khai thác, vận hành cơ sở vật chất hình thành từ việc thực hiện các nội dung này của Chương trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập các báo cáo về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch đối với các nội dung về thông tin và truyền thông tại địa phương, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan theo quy định.

Điều 13. Hiệu lực thi hành[8]

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2022./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 10/VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Hoàng Phương

[8] Điều 2 Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025, quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, giải quyết./."

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố:
.....

Số: /KH-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Nội dung thành phần về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kỳ kế hoạch:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. Nội dung: Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị hành chính (Huyện/xã)	Số lượng thôn thuộc xã	Đơn vị tính	Hiện trạng đài truyền thanh xã đến nay			Thiết lập mới đài truyền thanh xã					Nâng cấp đài truyền thanh xã					Ghi chú
				Chưa có	Đã được đầu tư		Số lượng	Kinh phí thực hiện				Số lượng	Kinh phí thực hiện				
					Công nghệ	Năm đầu tư		Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác		Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*
I	**Huyện...**																
1	Xã																
2	Xã																
3	Xã																
4	Xã																

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

II. Nội dung thành phần về thông tin và truyền thông khác

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021-2025				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				Ghi chú
			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			
				NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác	
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*
1	Trang bị thiết bị kỹ thuật sản xuất chương trình cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện	Cơ sở																					
2	Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn																						
3	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công																						
4	a) Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ xã	Người																					
	b) Xây dựng chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số và an toàn thông tin																						
5	a) Xây dựng chương trình, tài liệu phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn																						
	b) Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn																						
	c) Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn	Người																					
6	a) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số																						
	b) Thực hiện thông báo địa chỉ số	Địa chỉ																					
	c) Sản xuất, gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình, công trình, địa danh và đối tượng khác cần cấp địa chỉ	Địa chỉ																					
	d) Thông tin tuyên truyền về phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số và các nội dung khác liên quan đến địa chỉ số																						

7	Các nội dung khác (nếu có)																						
	Tổng cộng																						

....., ngày..... tháng .....năm 20...

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC THIẾT BỊ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN CỦA CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu của thiết bị kỹ thuật, công nghệ

TT	Tên thiết bị kỹ thuật, công nghệ	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Ghi chú
1	**Máy tính**	- Có khả năng cài đặt phần mềm biên tập chương trình truyền hình, biên tập chương trình phát thanh; - Kết nối mạng Internet.	
1.1	Ổ cứng	Số lượng: tối thiểu 02, trong đó: - 01 ổ cài đặt hệ điều hành loại SSD có dung lượng tối thiểu 120Gb; - 01 ổ Data có dung lượng tối thiểu 1TB (loại SSD hoặc HDD/7200rpm)	
1.2	Ram	Tối thiểu 32 GB	
1.3	CPU	Tối thiểu Core i7 thế hệ thứ 10 trở lên hoặc tương đương.	
1.4	Card đồ họa	Phù hợp với yêu cầu của phần mềm biên tập âm thanh hình ảnh	
1.5	Đầu đọc thẻ nhớ	Loại tích hợp sẵn hoặc gắn ngoài	
1.6	Màn hình	Tối thiểu 22 inch (1920 x 1080 pixels); Có cổng kết nối USB từ 3.0 trở lên	
1.7	Hệ điều hành	Tối thiểu Windows 10 ***bản quyền*** hoặc hệ điều hành khác với tính năng tương đương	
1.8	Các thiết bị liên quan kèm theo.		
2	**Máy quay phim**		
2.1	Máy quay phim dùng cho phóng viên	Độ phân giải full HD	
2.2	Thẻ nhớ	- Số lượng: 02 chiếc; - Mỗi thẻ nhớ có dung lượng tối thiểu từ 32GB-64GB hoặc cao hơn; - Tốc độ ghi đọc phù hợp với yêu cầu của thiết bị ghi hình	

2.3	Micro phỏng vấn (micro Shotgun)		
2.4	Túi đựng		
2.5	Đèn led lưu động		
2.6	Chân máy		
2.7	Các phụ kiện kèm theo		
3	**Máy thu âm cầm tay**	Máy ghi âm kỹ thuật số loại cầm tay	
3.1	Máy thu thanh audio	Ghi âm bằng thẻ nhớ, tích hợp micro độ nhạy cao	
3.2	Thẻ nhớ	- Số lượng: 02 - Mỗi thẻ nhớ có dung lượng tối thiểu 16 GB trở lên	
3.3	Các phụ kiện kèm theo		
4	**Máy ảnh**		
4.1	Máy ảnh tích hợp chức năng quay video	Full frame; Khung hình đầy đủ, với dải ống kính tiêu cự từ 24-105mm	
4.2	Thẻ nhớ	Số lượng: 02 chiếc; mỗi thẻ nhớ có dung lượng tối thiểu 32Gb-64GB hoặc cao hơn	
4.3	Đèn led lưu động		
4.4	Túi đựng		
4.5	Các phụ kiện kèm theo		
5	**Phần mềm biên tập chương trình phát thanh**	Biên tập audio dùng cho phát thanh (có bản quyền ổn định, lâu dài); tương thích với hệ điều hành của máy tính	
6	**Phần mềm biên tập chương trình truyền hình**	Biên tập video dùng cho truyền hình (có bản quyền ổn định, lâu dài); tương thích với hệ điều hành của máy tính	